TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 178/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Ông La Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 662/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2017 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Phương K, sinh năm 1978, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1972, có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện D, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/7/2017 và những lời khai tiếp theo tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Phương K trình bày: Bà và ông Phạm Văn M là vợ chồng, sống với nhau năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Ông M không lo làm ăn. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông M vẫn không thay đổi tính tình. Ông bà đã ly thân nhau từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Phạm Văn M.

Con chung: Phạm Hoài T, sinh ngày 11/4/1997 (con đã trưởng thành); Phạm Hoài H, sinh ngày 12/7/2000 và Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2012. Khi ly hôn, bà xin được quyền tiếp tục nuôi hai con H và N, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn M trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà K về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà K trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y nhưng đã mất giấy đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bà K tự tiện mượn tiền người khác, không có sự đồng ý của ông. Ông bà đã ly thân nhau từ 5/2017 cho đến nay. Nay bà K xin ly hôn, ông không đồng ý, xin hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để cùng lo cho con chung.

Con chung: Phạm Hoài T, sinh ngày 11/4/1997 (con đã trưởng thành); Phạm Hoài H, sinh ngày 12/7/2000 và Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2012. Khi ly hôn, ông xin giao hai con H và N cho bà K nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, bà Dương Thị Phương K yêu cầu xin được ly hôn với ông Phạm Văn M, xét thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình, thẩm quyền căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông M cưới nhau vào năm 1996, theo bà K cho rằng không có đăng ký kết hôn nhưng ông M cho rằng có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y vào ngày 17/7/2017 thì hôn nhân giữa bà K và ông M không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông M và bà K đã vi phạm vào Điều 9 của luật hôn nhân gia đình.

[3] Bà K cương quyết xin ly hôn, ông M không đồng ý vì ông còn thương vợ con nên xin hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy bà K và ông M chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, ông bà chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau từ tháng 5/2017 cho đến nay. Ông M không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Đồng thời căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận bà Dương Thị Phương K và ông Phạm Văn M là vợ chồng.

[4] Con chung: Phạm Hoài T, sinh ngày 11/4/1997 (con đã trưởng thành); Phạm Hoài H, sinh ngày 12/7/2000 và Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2012. Khi ly hôn, bà K và ông M thống nhất giao hai con H và N cho bà K nuôi, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà K không yêu cầu. Xét sự thỏa thuận nuôi con chung giữa bà K và ông M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, cháu H trên 7 tuổi có nguyện vọng sống với bà K nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Dương Thị Phương K với ông Phạm Văn M

[5] Tài sản chung: Bà Dương Thị Phương K và ông Phạm Văn M thống nhất tự thỏa thuận, không có nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét đến.

[6] Nợ chung: Bà Dương Thị Phương K và ông Phạm Văn M khai không có nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét đến.

[7] Bà Dương Thị Phương K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận bà Dương Thị Phương K và ông Phạm Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Phạm Hoài T, sinh ngày 11/4/1997 (con đã trưởng thành). Bà Dương Thị Phương K được quyền tiếp tục nuôi hai con tên Phạm Hoài H, sinh ngày 12/7/2000 và Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2012, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà K không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Dương Thị Phương K và ông Phạm Văn M thống nhất tự thỏa thuận

Về án phí: Bà Dương Thị Phương K chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000911 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án sơ thẩm tuyên công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Long An
- VKSND cùng cấp
- Thi hành án huyện.
- Đương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài